



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 06 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 63 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.38352175
- Fax: (84) 08.38307141
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
(Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở));
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 34 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------------|------------------------|--|
| • Bà Nguyễn Thị Chung | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/07/2011
Miễn nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch
Thành viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014
Bổ nhiệm ngày 19/11/2013 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|----------------|--|
| • Bà Nguyễn Thị Chung | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2012
Miễn nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Phạm Cảnh Toàn

TP Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2014



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1025/BCSX-AAC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, được lập ngày 14/08/2014 của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 28. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 08 năm 2014

Trần Dương Nghĩa – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1309-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.670.964.854	48.555.552.703
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	12.595.887.919	14.410.730.227
1. Tiền	111		3.095.887.919	4.910.730.227
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.500.000.000	9.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	326.478.000	332.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		499.638.080	468.360.080
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(173.160.080)	(136.360.080)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.818.914.879	18.074.738.197
1. Phải thu khách hàng	131		21.489.395.953	12.587.558.055
2. Trả trước cho người bán	132		5.022.858.738	6.043.741.129
3. Các khoản phải thu khác	135	7	208.663.041	244.203.333
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(902.002.853)	(800.764.320)
IV. Hàng tồn kho	140	9	21.814.484.800	14.929.466.383
1. Hàng tồn kho	141		24.287.675.920	17.556.154.583
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.473.191.120)	(2.626.688.200)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.115.199.256	808.617.896
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	15.794.581	22.748.083
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		529.446.921	216.784.902
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	65.868.632	195.904.664
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	504.089.122	373.180.247
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.812.303.384	18.947.935.279
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		18.237.267.583	17.463.719.064
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.361.933.915	480.953.362
- Nguyên giá	222		2.099.685.000	1.532.273.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(737.751.085)	(1.051.320.001)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	16.781.632.304	16.889.064.338
- Nguyên giá	228		16.906.969.677	16.906.969.677
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(125.337.373)	(17.905.339)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	93.701.364	93.701.364
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	16	840.000.000	840.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		840.000.000	840.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		735.035.801	644.216.215
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	735.035.801	644.216.215
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		81.483.268.238	67.503.487.982

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		29.545.914.692	12.734.859.088
I. Nợ ngắn hạn	310		29.545.914.692	12.734.859.088
1. Phải trả người bán	312		24.088.806.415	6.693.006.029
2. Người mua trả tiền trước	313		251.196.442	144.872.644
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	24.600.085	54.147.106
4. Phải trả người lao động	315		2.305.730.363	1.336.971.876
5. Chi phí phải trả	316	19	2.860.322.500	3.987.556.511
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	5.424.369	187.386.201
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.834.518	330.918.721
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.937.353.546	54.768.628.894
I. Vốn chủ sở hữu	410		51.937.353.546	54.768.628.894
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	41.370.000.000	41.370.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.712.000.000	1.712.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414	21	(2.035.282.090)	(2.035.282.090)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	21	3.377.002.764	2.862.449.329
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	21	1.517.632.156	1.517.632.156
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	5.996.000.716	9.341.829.499
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		81.483.268.238	67.503.487.982



Phạm Cảnh Toàn

TP Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2014

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	22	42.930.621.082	45.898.513.246
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	879.045.855	131.544.977
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	22	42.051.575.227	45.766.968.269
4. Giá vốn hàng bán	11	23	34.564.813.571	38.865.062.154
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		7.486.761.656	6.901.906.115
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	291.885.320	505.693.383
7. Chi phí tài chính	22	25	48.102.574	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		2.598.450.382	2.215.407.168
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.587.731.591	2.486.268.920
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.544.362.429	2.705.923.410
11. Thu nhập khác	31	26	248.797.591	18.090.909
12. Chi phí khác	32	27	167.600.917	-
13. Lợi nhuận khác	40		81.196.674	18.090.909
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	28	2.625.559.103	2.724.014.319
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	644.794.654	342.614.856
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	28	1.980.764.449	2.381.399.463
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	514	710



Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

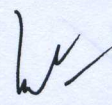
Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	34.337.133.882	35.808.779.424
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(26.871.385.245)	(35.835.153.209)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.498.434.706)	(1.713.361.725)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(514.758.622)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	570.227.628	107.731.635
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.555.310.356)	(2.631.308.721)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.467.472.581	(4.263.312.596)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.075.375.001)	(236.773.627)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	259.600.000	18.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(7.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	3.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	308.504.612	525.718.716
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(507.270.389)	(3.692.964.002)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.775.044.500)	(4.550.462.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.775.044.500)	(4.550.462.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.814.842.308)	(12.506.738.598)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.410.730.227	15.350.780.165
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.595.887.919	2.844.041.567

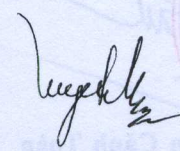
Giám đốc

Phạm Cảnh Toàn

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu


Bùi Tuyết Mai

TP Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 06 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở));
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định sửa đổi, bổ sung theo có liên quan và hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ, được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không có khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.12 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế là 22%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.13 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	202.102.867	24.254.498
Tiền gửi ngân hàng	2.893.785.052	4.886.475.729
Tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng)	9.500.000.000	9.500.000.000
Cộng	12.595.887.919	14.410.730.227

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	43.000	499.638.080	40.000	468.360.080
- Cổ phiếu C/ty CP Sách GD TP Hà Nội (EBS)	40.000	468.360.080	40.000	468.360.080
- Cổ phiếu C/ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội (EID)	3.000	31.278.000	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(173.160.080)		(136.360.080)
Cộng		326.478.000		332.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Các khoản phải thu khác

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	8.589.041	25.208.333
Phải thu Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	200.000.000	200.000.000
Phải thu khác	74.000	18.995.000
Cộng	208.663.041	244.203.333

(*) Là khoản tiền chuyển cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Công văn số 1762/CV-NXBGDVN ngày 07/11/2013 về việc “Huy động nguồn tài chính phục vụ Quỹ đầu tư xuất bản”.

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	551.406.522	551.406.522
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	350.596.331	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	249.357.798
Cộng	902.002.853	800.764.320

9. Hàng tồn kho

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.945.741.604	1.846.011.100
Chi phí SX, KD dở dang	3.308.837.754	4.352.166.070
Thành phẩm	14.784.200.886	11.128.220.821
Hàng hóa	248.895.676	229.756.592
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.473.191.120)	(2.626.688.200)
Cộng	21.814.484.800	14.929.466.383

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí phần mềm chờ phân bổ	-	10.000.000
Chi phí bảo hiểm xe ô tô chờ phân bổ	5.794.581	12.748.083
Chi phí bảo hiểm hàng hóa chờ phân bổ	10.000.000	-
Cộng	15.794.581	22.748.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế TNDN nộp thừa	65.868.632	195.904.664
Cộng	65.868.632	195.904.664

12. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	214.013.128	9.942.167
Ký quỹ ngắn hạn	290.075.994	363.238.080
Cộng	504.089.122	373.180.247

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	352.634.937	1.179.638.426	1.532.273.363
Mua sắm trong kỳ	-	977.613.637	977.613.637
T/lý, nhượng bán	-	410.202.000	410.202.000
Số cuối kỳ	352.634.937	1.747.050.063	2.099.685.000
Khấu hao			
Số đầu kỳ	58.772.489	992.547.512	1.051.320.001
Khấu hao trong kỳ	29.386.241	67.246.843	96.633.084
T/lý, nhượng bán	-	410.202.000	410.202.000
Số cuối kỳ	88.158.730	649.592.355	737.751.085
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	293.862.448	187.090.914	480.953.362
Số cuối kỳ	264.476.207	1.097.457.708	1.361.933.915

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2014 là: 288.345.517 đồng.

Không có tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất 363 Hưng Phú VND	Quyền sử dụng đất huyện Bình Chánh VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	6.468.156.872	10.438.812.805	16.906.969.677
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	6.468.156.872	10.438.812.805	16.906.969.677
Khấu hao			
Số đầu kỳ	-	17.905.339	17.905.339
Khấu hao trong kỳ	-	107.432.034	107.432.034
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	-	125.337.373	125.337.373
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	6.468.156.872	10.420.907.466	16.889.064.338
Số cuối kỳ	6.468.156.872	10.313.475.432	16.781.632.304

Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m², mục đích sử dụng: dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/07/2062 tại thửa đất số 159, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 595,8 m². Mục đích sử dụng: xây dựng kho chứa sách và thiết bị trường học.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí thẩm tra, khảo sát địa chất tại nhà 363 Hưng Phú	93.701.364	93.701.364
Cộng	93.701.364	93.701.364

16. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác	40.000	840.000.000	40.000	840.000.000
- Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng	40.000	840.000.000	40.000	840.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn		-		-
Cộng		840.000.000		840.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng, Báo cáo tài chính năm 2013 có kết quả kinh doanh lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Cổ phiếu của Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng cũng chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm 30/06/2014. Do đó, khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo giá gốc đầu tư và không trích lập dự phòng.

17. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí tổ chức bản thảo	700.929.546	603.288.709
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	34.106.255	40.927.506
Cộng	735.035.801	644.216.215

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập cá nhân	24.600.085	54.147.106
Cộng	24.600.085	54.147.106

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Trích trước chi phí bản thảo, biên tập	2.730.577.832	2.894.569.632
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới	129.744.668	972.986.879
Trích trước chi phí kiểm toán	-	50.000.000
Trích trước chi phí khám sức khỏe CBNV	-	70.000.000
Cộng	2.860.322.500	3.987.556.511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	70.869	36.858.201
Cổ tức phải trả	2.203.500	150.528.000
Phải trả khác	3.150.000	-
Cộng	<u>5.424.369</u>	<u>187.386.201</u>

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2013	41.370.000.000	(5.651.552.090)	2.862.449.329	1.517.632.156	9.341.829.499
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	(3.616.270.000)	-	-	-
Số dư tại 31/12/2013	<u>41.370.000.000</u>	<u>(2.035.282.090)</u>	<u>2.862.449.329</u>	<u>1.517.632.156</u>	<u>9.341.829.499</u>
Số dư tại 01/01/2014	41.370.000.000	(2.035.282.090)	2.862.449.329	1.517.632.156	9.341.829.499
Tăng trong kỳ	-	-	514.553.435	-	1.980.764.449
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	5.326.593.232
Số dư tại 30/06/2014	<u>41.370.000.000</u>	<u>(2.035.282.090)</u>	<u>3.377.002.764</u>	<u>1.517.632.156</u>	<u>5.996.000.716</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	30/06/2014 VND	Tỷ lệ %	31/12/2013 VND
Vốn đầu tư của Công ty TNHH MTV NXBGD				
Việt Nam	15,28	6.320.000.000	15,28	6.320.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	77,92	32.236.000.000	77,92	32.236.000.000
Cổ phiếu quỹ	6,80	2.814.000.000	6,80	2.814.000.000
Cộng	<u>100%</u>	<u>41.370.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>41.370.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	30/06/2014	31/12/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu thường	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	281.400	281.400
- Cổ phiếu thường	281.400	281.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.855.600	3.855.600
- Cổ phiếu thường	3.855.600	3.855.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	9.341.829.499	11.148.489.142
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.980.764.449	5.326.593.232
Phân phối lợi nhuận năm trước	5.326.593.232	7.133.252.875
- Trích quỹ đầu tư phát triển	514.553.435	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	185.319.797	1.967.064.245
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	468.348.630
- Chia cổ tức	4.626.720.000	4.697.840.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.996.000.716	9.341.829.499

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 76/NQ-SGD ngày 08/03/2014.

e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 76/NQ-SGD ngày 08/03/2014 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 12%, tương ứng 4.626.720.000 đồng. Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2014.

22. Doanh thu

	6 tháng đầu	6 tháng đầu
	năm 2014	năm 2013
	VND	VND
Tổng doanh thu	42.930.621.082	45.898.513.246
+ Doanh thu bán sách giáo khoa, sách tham khảo	42.889.969.371	45.881.052.902
+ Doanh thu bán giấy ruột	-	17.460.344
+ Doanh thu hoạt động khác	40.651.711	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	879.045.855	131.544.977
+ Hàng bán bị trả lại	879.045.855	131.544.977
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.051.575.227	45.766.968.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	34.524.333.798	38.858.573.672
Giá vốn giấy ruột	-	6.488.482
Giá vốn hoạt động khác	40.479.773	-
Cộng	34.564.813.571	38.865.062.154

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	259.885.320	460.385.383
Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.000.000	40.000.000
Chiết khấu thanh toán nhanh	-	5.308.000
Cộng	291.885.320	505.693.383

25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Chiết khấu thanh toán	11.169.299	-
Trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	36.800.000	-
Chi phí tài chính khác	133.275	-
Cộng	48.102.574	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Thu bán phế liệu, công cụ dụng cụ	12.797.591	-
Thu thanh lý tài sản cố định	236.000.000	18.090.909
Cộng	248.797.591	18.090.909

27. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	167.600.917	-
Cộng	167.600.917	-

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.625.559.103	2.724.014.319
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	135.600.917	(40.000.000)
- Điều chỉnh tăng	167.600.917	-
+ Phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính thuế	167.600.917	-
- Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	32.000.000	40.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	2.761.160.020	2.684.014.319
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	644.794.654	342.614.856
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	607.455.204	342.614.856
- Chi phí thuế TNDN các năm trước điều chỉnh và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	37.339.450	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.980.764.449	2.381.399.463

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.980.764.449	2.381.399.463
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.980.764.449	2.381.399.463
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.855.600	3.356.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	514	710

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.387.241.900	19.134.991.446
Chi phí nhân công	2.630.495.836	1.756.104.490
Chi phí khấu hao tài sản cố định	204.065.118	69.426.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.161.863.258	11.124.247.320
Chi phí khác bằng tiền	1.939.480.736	2.251.979.692
Cộng	31.323.146.848	34.336.749.185

31. Công cụ tài chính

a) Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b) Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đại lý, Sở giáo dục, trường học... , các Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học, các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Ban Giám đốc Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	24.088.806.415	-	24.088.806.415
Chi phí phải trả	2.860.322.500	-	2.860.322.500
Phải trả khác	5.353.500	-	5.353.500
Cộng	26.954.482.415	-	26.954.482.415
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.693.006.029	-	6.693.006.029
Chi phí phải trả	3.987.556.511	-	3.987.556.511
Phải trả khác	150.528.000	-	150.528.000
Cộng	10.831.090.540	-	10.831.090.540

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.595.887.919	-	12.595.887.919
Đầu tư tài chính	326.478.000	840.000.000	1.166.478.000
Phải thu khách hàng	20.587.393.100	-	20.587.393.100
Phải thu khác	208.663.041	-	208.663.041
Tài sản tài chính khác	290.075.994	-	290.075.994
Cộng	34.008.498.054	840.000.000	34.848.498.054

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.410.730.227	-	14.410.730.227
Đầu tư tài chính	332.000.000	840.000.000	1.172.000.000
Phải thu khách hàng	11.786.793.735	-	11.786.793.735
Phải thu khác	244.203.333	-	244.203.333
Tài sản tài chính khác	363.238.080	-	363.238.080
Cộng	27.136.965.375	840.000.000	27.976.965.375

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất, kinh doanh sách và bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

33. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
CN NXBGD tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch & Từ Điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Cung ứng sách tham khảo	82.286.000	302.301.927
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Cung ứng sách tham khảo	306.950.220	734.306.542
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo	1.744.434.400	2.169.906.400
Công ty CP Học liệu (EMCO)	Cung ứng sách tham khảo	99.973.965	465.514.857
Công ty CP Sách & TB Bình Thuận	Cung ứng sách tham khảo	167.936.730	165.127.324
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Cung ứng sách tham khảo	242.370.280	
Công ty CP Sách TBTH TP Hồ Chí Minh	Cung ứng sách tham khảo	359.879.653	453.474.455
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Cung ứng sách tham khảo	11.424.768.975	12.271.235.830
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Cung ứng sách tham khảo	32.128.000	118.566.920
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	Cung ứng sách giáo khoa	90.011.585	500.000.000
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Cung ứng sách giáo khoa	175.788.020	194.961.480
Công ty CP Sách dịch & Từ Điển Giáo dục	Cung ứng sách tham khảo	62.602.000	-
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo	67.794.480	-
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cung ứng sách tham khảo	384.820.060	-
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Nhập giấy, tem	422.500	7.178.420.900
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	94.500.000	-
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Nhập sách tham khảo	1.494.570.000	858.735.000
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Nhập sách tham khảo	1.146.730.400	1.645.525.840
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Nhập sách, tiền bản thảo	788.888.270	1.026.356.665
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	2.576.249.980	3.224.552.940
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Nhập sách tham khảo	241.716.700	373.379.260
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	221.403.140	662.175.960
Công ty CP Sách Dân tộc	Nhập sách, tiền bản thảo	806.372.470	1.661.192.280
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Nhập sách	2.175.935.790	2.402.356.248
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Nhập sách tham khảo	309.625.404	278.802.994
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Nhập sách, tiền bản thảo	981.345.000	1.691.938.100
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	Nhập sách, tiền bản thảo	45.855.640	270.785.360
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Nhập sách giáo khoa	2.991.905.175	2.877.675.883
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	Nhập sách giáo khoa	843.103.800	-
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông	Nhập sách tham khảo	43.853.092	88.776.865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu khách hàng		
CN NXBGD tại TP. Cần Thơ	81.429.983	55.656.983
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	117.827.331	808.184.751
Công ty CP Học liệu (EMCO)	18.074.091	-
Công ty CP Sách & TB Bình Thuận	166.543.630	159.951.447
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	281.116.859	438.746.579
Công ty CP Sách TBTH TP Hồ Chí Minh	377.341.037	199.963.031
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	-	137.790.884
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	1.953.929.181	391.847.806
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	30.856.713	-
Công ty CP Sách dịch & Từ Điển Giáo dục	24.375.341	-
Phải trả cho người bán		
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	1.575.922.649	87.542.994
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	94.500.000	-
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	1.066.711.280	435.491.280
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	1.374.693.360	234.160.960
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	1.231.020.455	824.993.955
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	328.308.030	394.170.090
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	142.985.802	69.377.142
Công ty CP Sách Dân tộc	301.697.283	305.275.813
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	395.464.075	85.838.671
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	-	7.953.237
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	129.408.332	92.070.192
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.209.639.703	293.466
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	191.800.600	191.800.600
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông	104.993.801	163.055.269
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	615.301.331	-

d. Giao dịch khác

		6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Ban Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	216.109.810	549.919.000
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Tiền thù lao	94.200.000	92.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013. Các Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Phạm Cảnh Toàn

Nguyễn Thị Lan Phương

Bùi Tuyết Mai

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2014



Số: 347 /SGD

TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2014

V/v: Giải trình chênh lệch 10% LNST

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên đơn vị niêm yết: **Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh**
2. Mã chứng khoán: **SGD**
3. Địa chỉ trụ sở chính: 63 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10, TP.HCM
4. Điện thoại: 08.38335798 Fax: 08.39381631

Công ty CP Sách Giáo dục tại TPHCM xin được giải trình chênh lệch LNST 6 tháng đầu năm 2014 so với cùng kỳ năm 2013, như sau:

Lợi nhuận sau thuế đến 30/6/2014 là 1.980.764.449 đồng

Lợi nhuận sau thuế đến 30/6/2013 là 2.381.399.463 đồng

LNST 6 tháng năm 2014 giảm so với cùng kỳ năm 2013 do năm 2013 Công ty CP Sách Giáo dục tại TPHCM thuộc đơn vị được áp dụng thuế suất 10% đối với thu nhập từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản (TT 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính, Luật Xuất bản và Công văn số 1895/CV-NXBGDVN ngày 08/12/2012 của NXBGDVN gửi Vụ chính sách Thuế Bộ tài chính và công văn trả lời số 6833/BTC-CST ngày 29/5/2013 của Vụ chính sách Thuế – Bộ Tài chính)

Chúng tôi cam kết thông tin công bố là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung công bố.

Nơi nhận:

-Như trên;

-Lưu TC-HC-TH.



Người được ủy quyền CBTT

PHẦN THỊ NAM PHƯƠNG